

Số: 3109/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất một số lô đất tại Khu TD4 thuộc Khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương, xã Thủy Vân và Khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3 (đợt 1) thuộc phường Thủy Dương và xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 31
	Ngày: 11/01
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất và Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh và Thông báo số 39/TB-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về quy trình xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định về giá đất của UBND tỉnh: Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019); Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2016 bổ sung giá đất ở tại các khu quy hoạch, khu đô thị mới vào Điều 19 của Bảng giá đất (2015-2019); Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2017 điều chỉnh, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung tại Bảng giá đất (2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;



Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 491/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 kèm Báo cáo thẩm định số 3496/BC-HĐTĐGD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất một số lô tại Khu TĐ4 thuộc Khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương, xã Thủy Vân và Khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3 (đợt 1) như sau:

a) Đơn giá: *Chi tiết có Phụ lục đính kèm*, đơn giá này đã bao gồm lệ phí trước bạ về đất theo quy định.

b) Thông số quy hoạch: Theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết của UBND tỉnh: Số 196/QĐ-UBND ngày 22/01/2009, số 1892/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 và Công văn cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng tại khu TĐ4, khu B - Đô thị mới An Vân Dương số 959/SXD-QHKT ngày 22/5/2017 của Sở Xây dựng.

c) Mục đích sử dụng đất: Đất ở.

d) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 118 và Điều 119 Luật Đất đai 2013 và Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các đơn giá của các lô thửa đất có liên quan đã được quy định tại các Quyết định: số 1160/QĐ-UBND ngày 30/05/2017 phê duyệt giá đất cụ thể một số lô đất tại Khu TĐC Thủy Thanh giai đoạn 3 (đợt 1), số 1521/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 phê duyệt giá đất cụ thể một số lô đất tại Khu TĐ4 thuộc Khu B- Khu đô thị mới An Vân Dương, xã Thủy Vân của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Huế; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.▲

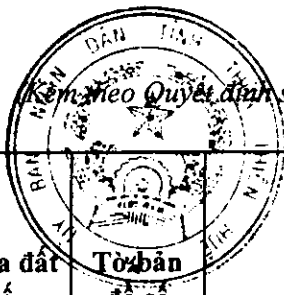
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ

**PHỤ LỤC**

Kèm theo Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh

Stt	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Vị trí thửa đất	Giá đất theo QĐ số 75, 37 và 53 của UBND tỉnh x HSDC giá đất năm 2017 (đồng/m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)
I Khu TD4 thuộc Khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương, xã Thủy Vân					
Các lô mặt đường quy hoạch 13,5m: 03 lô					
1	380	5	2 mặt đường quy hoạch 13,5m và 12m	1.567.800	5.000.000
2	381	5	Vị trí 1, đường quy hoạch 13,5m	1.500.000	5.000.000
3	382	5	2 mặt đường quy hoạch 13,5m và 12m	1.567.800	5.000.000
Các lô mặt đường quy hoạch 12,0m: 22 lô					
4	383	5	Vị trí 1, đường quy hoạch 12m	1.130.000	5.600.000
5	384	5			
6	385	5			
7	386	5			
8	387	5			
9	388	5			
10	389	5			
11	390	5			
12	391	5			
13	392	5			
14	393	5			
15	397	5	Vị trí 1, đường quy hoạch 12m	1.130.000	5.600.000
16	398	5			
17	399	5			
18	400	5			
19	401	5			
20	402	5			
21	403	5			
22	404	5			
23	405	5			
24	406	5			
25	407	5			
Các lô mặt đường quy hoạch 16,5m: 03 lô					
26	394	5	2 mặt đường quy hoạch 16,5m và 12m	1.567.800	6.700.000
27	395	5	Vị trí 1, đường quy hoạch 16,5m	1.500.000	6.700.000
28	396	5	2 mặt đường quy hoạch 16,5m và 12m	1.567.800	6.700.000

Stt	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Vị trí thửa đất	Giá đất theo QĐ số 75, 37 và 53 của UBND tỉnh x HSĐC giá đất năm 2017 (đồng/m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)
II Khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3 (đợt 1)					
Các lô mặt đường quy hoạch 12m: 12 lô					
29	44	16	Một mặt tiền: đường lộ giới 12 m	1.356.000	7.900.000
30	45	16			
31	46	16			
32	327	5			
33	328	5			
34	329	5			
35	330	5			
36	331	5			
37	332	5			
38	333	5			
39	334	5			
40	335	5			
Các lô mặt đường quy hoạch 15,5m: 18 lô					
41	41	16	Một mặt tiền: đường lộ giới 15,5 m	1.500.000	8.600.000
42	42	16			
43	43	16			
44	308	5			
45	309	5			
46	310	5			
47	311	5			
48	312	5			
49	313	5			
50	314	5			
51	315	5			
52	316	5			
53	317	5			
54	318	5			
55	319	5			
56	320	5			
57	321	5			
58	322	5			

Stt	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Vị trí thửa đất	Giá đất theo QĐ số 75, 37 và 53 của UBND tỉnh x HSĐC giá đất năm 2017 (đồng/m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)
Các lô mặt đường quy hoạch 18,5m: 08 lô					
59	37	16	Lô góc; 2 mặt tiền đường lộ giới 18,5 m và 15,5 m.	1.755.000	9.750.000
60	38	16	Một mặt tiền; đường lộ giới 18,5 m.	1.680.000	9.500.000
61	39	16			
62	40	16	Lô góc; 2 mặt tiền đường lộ giới 18,5 và 12 m.	1.747.800	9.750.000
63	47	16			
64	336	5	Một mặt tiền; đường lộ giới 18,5 m	1.680.000	9.500.000
65	337	5			
66	338	5	Lô góc; 2 mặt tiền đường lộ giới 18,5 và 18,5 m.	1.764.000	9.750.000
Các lô mặt đường quy hoạch 15,5m: 08 lô					
67	323	5	Lô góc; 2 mặt tiền đường lộ giới 15,5 và 15,5 m.	1.575.000	9.000.000
68	324	5	Một mặt tiền; đường lộ giới 15,5 m	1.500.000	8.600.000
69	325	5			
70	326	5	Lô góc; 2 mặt tiền đường lộ giới 15,5 và 12 m.	1.567.800	9.000.000
71	351	5			
72	352	5	Một mặt tiền; đường lộ giới 15,5 m	1.500.000	8.600.000
73	353	5			
74	354	5	Lô góc; 2 mặt tiền đường lộ giới 18,5 và 15,5 m.	1.755.000	9.000.000

